

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	7
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	8 - 34



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp Bê tông Ly tâm Thủ Đức thuộc Công ty Xây lắp Điện 2 (nay là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2) theo Quyết định số 180/2003/QĐ-BCN ngày 06 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0303171325 (số cũ 4103002081) đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 02 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 03 tháng 06 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: THU DUC CENTRIFUGAL CONCRETE JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: TDC.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 356 A Hà Nội, Phường Phước Long A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Thế Thành	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28/04/2017)
	Ông Đỗ Chí Nguyễn	Chủ tịch (Bỏ nhiệm ngày 28/04/2017)
	Ông Nguyễn Hữu Ý	Ủy viên
	Ông Hồ Đăng Khoa	Ủy viên (Bỏ nhiệm ngày 28/04/2017)
	Bà Phan Thị Hồng Phúc	Ủy viên (Bỏ nhiệm ngày 28/04/2017)
	Ông Tạ Đăng Tính	Ủy viên
	Bà Hà Thị Kim Dung	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 28/04/2017)
	Ông Trần Hữu Thạch	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 28/04/2017)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Hữu Ý	Giám đốc (Bỏ nhiệm lại từ 28/04/2017)
	Ông Trần Hữu Thạch	Phó Giám đốc
	Ông Hồ Đăng Khoa	Phó Giám đốc
	Bà Phan Thị Hồng Phúc	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



Nguyễn Hữu Ý

Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2017

Số: 711/2017/BCSX-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Chủ tịch và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2017 từ trang 04 đến trang 34, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Phan Thanh Nam
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2015-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

Mẫu B 01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		442.235.845.884	346.229.093.315
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	73.796.157.781	76.188.346.394
1. Tiền	111		29.796.157.781	28.688.346.394
2. Các khoản tương đương tiền	112		44.000.000.000	47.500.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		210.764.515.343	138.368.957.020
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	212.646.833.531	160.951.466.142
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		40.295.407.008	20.440.846.346
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		2.931.804.810	2.931.804.810
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	3.314.679.772	1.893.385.878
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.4	(48.424.209.778)	(47.848.546.156)
IV- Hàng tồn kho	140	5.5	157.675.172.760	131.671.789.901
1. Hàng tồn kho	141		158.521.763.348	132.518.380.489
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(846.590.588)	(846.590.588)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		109.804.168.672	101.942.064.397
I Các khoản phải thu dài hạn	210		1.647.956	5.002.000.150
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	1.647.956	5.002.000.150
II Tài sản cố định	220		71.019.876.488	64.374.475.832
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	71.015.694.804	64.366.112.484
- Nguyên giá	222		149.066.129.668	137.370.302.967
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(78.050.434.864)	(73.004.190.483)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	4.181.684	8.363.348
- Nguyên giá	228		63.100.000	63.100.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(58.918.316)	(54.736.652)
III. Bất động sản đầu tư	230		1.000.000.000	1.000.000.000
1. Nguyên giá	231	5.8	1.000.000.000	1.000.000.000
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		7.388.106.005	509.975.556
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	7.388.106.005	509.975.556
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	6.880.770.476	6.880.770.476
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		6.880.770.476	6.880.770.476
VI Tài sản dài hạn khác	260		23.513.767.747	24.174.842.383
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	23.513.767.747	24.174.842.383
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		552.040.014.556	448.171.157.712

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

Mẫu B 01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

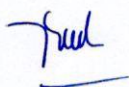
NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		345.259.030.906	258.233.045.865
I- Nợ ngắn hạn	310		343.211.681.527	257.836.911.869
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	109.619.946.394	84.407.324.877
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		106.390.760.032	55.979.193.472
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	13.883.910.205	20.283.403.526
4. Phải trả người lao động	314		18.683.304.259	21.778.715.833
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	26.751.459.591	8.004.376.872
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	7.677.664.471	6.791.917.146
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	46.862.696.122	50.158.762.073
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.17	8.785.178.996	8.566.796.613
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		4.556.761.457	1.866.421.457
II- Nợ dài hạn	330		2.047.349.379	396.133.996
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.16	277.070.000	388.070.000
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		8.063.996	8.063.996
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.17	1.762.215.383	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		206.780.983.650	189.938.111.847
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.18	206.780.983.650	189.938.111.847
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		64.141.000.000	64.141.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		64.141.000.000	64.141.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.737.500.000	6.737.500.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(18.090.000)	(18.090.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		49.659.824.607	31.411.886.452
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.308.751.661	33.002.205.849
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		10.465.027.694	622.461.078
- LNST chưa phân phối kì này	421b		16.843.723.967	32.379.744.771
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423		58.951.997.382	54.663.609.546
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300+400)	440		552.040.014.556	448.171.157.712

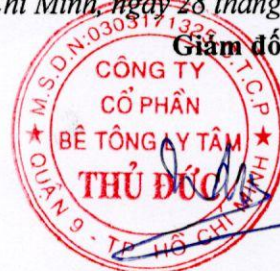
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Bùi Minh Trúc

Phạm Anh Linh

Nguyễn Hữu Ý

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

Mẫu B 02a-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	440.026.895.114
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.19	440.026.895.114
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	386.092.200.950
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		53.934.694.164
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	1.270.642.450
7. Chi phí tài chính	22	5.22	2.584.348.036
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.628.332.240
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		-
9. Chi phí bán hàng	25	5.23	4.120.848.113
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.24	20.175.377.878
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		28.324.762.587
12. Thu nhập khác	31	5.25	9.714
13. Chi phí khác	32	5.25	144.295.394
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(144.285.680)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		28.180.476.907
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	5.713.605.104
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		22.466.871.803
19. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	61		16.843.723.967
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		5.623.147.836
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.27	2.627

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Bùi Minh Trúc

Phạm Anh Linh

Nguyễn Hữu Ý

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

Mẫu B 03a-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

CHỈ TIÊU**MS****Từ ngày 01/01/2017****đến ngày 30/06/2017****VND**

I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	28.180.476.907
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.050.426.045
- Các khoản dự phòng	03	2.556.261.388
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.186.657.865)
- Chi phí lãi vay	06	1.628.332.240
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	36.228.838.715
- Biến động các khoản phải thu	09	(67.867.686.509)
- Biến động hàng tồn kho	10	(26.003.382.859)
- Biến động các khoản phải trả	11	85.298.046.729
- Biến động chi phí trả trước	12	661.074.636
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.628.332.240)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.308.700.244)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.933.660.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	13.446.198.228
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(8.566.961.813)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.083.474.623
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.483.487.190)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ đi vay	33	223.138.561.898
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(226.545.627.849)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.947.833.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.354.899.651)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(2.392.188.613)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	76.188.346.394
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	73.796.157.781

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Bùi Minh Trúc

Phạm Anh Linh

Nguyễn Hữu Ý

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B 09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp Bê tông Ly tâm Thủ Đức thuộc Công ty Xây lắp Điện 2 (nay là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2) theo Quyết định số 180/2003/QĐ-BCN ngày 06 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0303171325 (số cũ 4103002081) đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 02 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 03 tháng 06 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: THUDUC CENTRIFUGAL CONCRETE JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: TDC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 là 64.141.000.000 đồng

Chi tiết góp vốn:

Stt	Đối tượng	Theo sổ cổ đông thực tế tại 30/06/2017		
		VND	%	Cổ phần
1	Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	32.711.910.000	51,00	3.271.191
2	Bà Hà Thị Kim Dung	3.236.100.000	5,05	323.610
3	Ông Phạm Ngọc Hiệp	3.866.210.000	6,03	386.621
4	Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	24.326.780.000	37,92	2.432.678
	Tổng	64.141.000.000	100	6.414.100

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 356 A Xa lộ Hà Nội, Phường Phước Long A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động tại ngày 30/06/2017 là: 265 người (Tại ngày 31/12/2016 là: 254 người).

Công ty con được hợp nhất

Tên Công ty:	Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1
Địa chỉ:	Số 234, đường DT 747, khu phố Tân Lương, phường Thạnh Phước, thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ:	51%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ:	51%

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh là: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bê tông công nghiệp (trụ điện, cọc cừ, ống cống, ống cọc, cầu kiện bê tông, bê tông thương phẩm); Xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp điện đến 110 KV, điện dân dụng và điện công nghiệp; Thi công các công trình công nghiệp, dân dụng, cơ sở hạ tầng; Sản xuất và kinh doanh sản phẩm cơ khí (thiết bị nâng, thiết bị sản xuất bê tông, kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí phi tiêu khác), vật liệu xây dựng, vật tư - thiết bị - máy móc kỹ thuật (trừ kinh doanh máy in); Tư vấn xây dựng (trừ kinh doanh dịch vụ thiết kế công trình); Chuyển giao công nghệ sản xuất bê tông công nghiệp; Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật liệu, vật tư, thiết bị kỹ thuật; Kinh doanh vận tải hàng hóa; Kinh doanh nhà; Thiết kế sản phẩm bê tông công nghiệp, cơ khí, thiết bị nâng công nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bê tông công nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

1.3 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30/06/2017, Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con			
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng	51%	51%
Công ty liên kết			
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng	20%	20%

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được. Số dư tại ngày 01/01/2017 đã được điều chỉnh theo Biên bản Thanh tra Bộ tài chính và được trình bày tại Thuyết minh số 6.2

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp nhất các Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con).. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc năm kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

- Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc khác	05 – 25
Máy móc, thiết bị khác	03 – 06
Phương tiện vận tải	03 – 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 – 07

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 06 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước là công cụ dụng cụ xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm, chi phí trả trước là quyền sử dụng đất thuê trả tiền một lần phân bổ theo thời gian thuê trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

Chi phí vận chuyển, chi phí xe nâng cầu, trích trước theo hồ sơ khối lượng công việc hoàn thành

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: *dự phòng bảo hành sản phẩm*

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Bảo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được xác định bằng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty mẹ trừ đi Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.149.683.117	2.048.565.581
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.646.474.664	26.639.780.813
Tương đương tiền (*)	44.000.000.000	47.500.000.000
Cộng	73.796.157.781	76.188.346.394

(*) Tương đương tiền là các khoản:

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 01 – 03 tháng.

5.2 Các khoản phải thu

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	212.646.833.531	160.951.466.142
Công ty CP Đầu tư Bê tông Công Nghệ Cao	19.710.773.864	19.710.773.864
Tổng Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	5.090.069.360	10.037.903.060
Tổng Công ty Điện lực Tp. Hồ Chí Minh	4.706.751.584	1.732.663.759
- Công ty Điện lực Củ Chi		
Công ty CP Xây lắp Điện Miền Nam	2.572.130.008	1.509.849.974
Công ty CP Đầu Tư & Xây Dựng Đức Quang Minh	15.034.814.620	9.712.596.337
Công ty TNHH TM - SX - Xây Dựng Mai Lam	18.319.989.200	17.065.871.446
Công ty Cổ phần TM Xây Dựng Vận Tải Nam Bình Minh	27.605.033.393	18.738.049.500
Các đối tượng khác	119.607.271.502	82.443.758.202
Cộng	212.646.833.531	160.951.466.142

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.3 Phải thu khác

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	3.314.679.772	-	1.893.385.878	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Dung Quất	345.690.255	-	345.690.255	-
Công ty CP Bê tông Ly tâm Vinaincon	311.830.019	-	208.646.777	-
Tạm ứng	1.705.979.719	-	1.061.842.727	-
Phải thu khác	951.179.779	-	277.206.119	-
b) Dài hạn	1.647.956	-	5.002.000.150	-
- Ký cược, ký quỹ	1.647.956	-	5.002.000.150	-
Cộng	3.316.327.728	-	6.895.386.028	-

5.4 Nợ xấu

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty CP Đầu tư Phúc Đạt	1.772.697.822	-	1.772.697.822	-
Công ty CP Tập đoàn Khang Thông	6.807.704.506	-	6.807.704.506	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương	4.344.797.620	-	4.344.797.620	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Định	2.524.707.625	-	2.524.707.625	-
Công ty CP Đầu tư Bê Tông Công Nghệ Cao	19.710.773.864	-	19.710.773.864	-
Các đối tượng khác	15.640.007.334	2.376.478.993	15.616.581.340	2.928.716.621
Cộng	50.800.688.771	2.376.478.993	50.777.262.777	2.928.716.621
Giá trị đã trích lập dự phòng		48.424.209.778		47.848.546.156
<i>Trong đó:</i>				
Công ty CP Đầu tư Phúc Đạt	Quá hạn 1 - 30 ngày	Quá hạn 31 - 60 ngày	Quá hạn 61 - 90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Công ty CP Tập đoàn Khang Thông	-	-	-	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương	-	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Định	-	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Bê Tông Công Nghệ Cao	-	-	-	-
Các đối tượng khác	-	-	-	-
Cộng				50.800.688.771

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.5 Hàng tồn kho

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	36.764.340.273	-	35.639.785.789	-
Công cụ, dụng cụ	1.547.351.488	-	1.179.221.685	-
Chi phí Sản xuất kinh doanh	14.182.833.909	-	9.363.904.536	-
Thành phẩm	33.911.726.662	(46.590.588)	36.295.242.608	(46.590.588)
Hàng hóa	2.743.410.507	(800.000.000)	2.713.416.000	(800.000.000)
Hàng gửi bán	69.372.100.509	-	47.326.809.871	-
Cộng	158.521.763.348	(846.590.588)	132.518.380.489	(846.590.588)

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, mất phẩm chất tại ngày 30/06/2017: 846.590.588 đồng (tại ngày 31/12/2016: 846.590.588 đồng)



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.6 Tài sản cố định hữu hình

					Đơn vị tính: VND	
		Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2017		43.163.298.773	85.689.823.677	8.168.852.717	348.327.800	137.370.302.967
Tăng trong kỳ		537.276.127	11.158.550.574	-	-	11.695.826.701
Mua trong kỳ		-	10.165.549.873	-	-	10.165.549.873
Đầu tư XDCB hoàn thành		537.276.127	993.000.701	-	-	1.530.276.828
Giảm trong kỳ		-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2017		43.700.574.900	96.848.374.251	8.168.852.717	348.327.800	149.066.129.668
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2017		17.943.391.680	51.606.369.050	3.201.558.591	252.871.162	73.004.190.483
Tăng trong kỳ		1.266.663.079	3.288.745.196	473.128.600	17.707.506	5.046.244.381
Khấu hao trong kỳ		1.266.663.079	3.288.745.196	473.128.600	17.707.506	5.046.244.381
Giảm trong kỳ		-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2017		19.210.054.759	54.895.114.246	3.674.687.191	270.578.668	78.050.434.864
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2017		25.219.907.093	34.083.454.627	4.967.294.126	95.456.638	64.366.112.484
Tại ngày 30/06/2017		24.490.520.141	41.953.260.005	4.494.165.526	77.749.132	71.015.694.804

Công ty đã thể chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 23.479.782.052 đồng (tại ngày 31/12/2016 là 5.920.542.561 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2017 là 27.016.517.477 đồng (tại ngày 31/12/2016 là 25.716.108.080 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán Bravo với nguyên giá ban đầu là 63.100.000 đồng, khấu hao trong kỳ là 4.181.664 đồng, giá trị còn lại tại thời điểm 30/06/2017 là 4.181.684 đồng

5.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là giá trị Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W536073 do UBND Tỉnh Long An cấp ngày 29/04/2003, Công ty đang nắm giữ chờ tăng giá để bán mà không phải để chuyển nhượng trong tương lai gần.

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi xây dựng cơ bản dở dang	7.388.106.005	509.975.556
Chi phí khảo sát địa chất địa hình	130.126.000	130.126.000
Nhà máy Bến Cát Bình Dương	6.792.121.824	233.010.981
Chi phí khác	465.858.181	146.838.575
Cộng	7.388.106.005	509.975.556

5.10 Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon

Tỷ lệ góp vốn: 20%

Đối tượng đầu tư	30/06/2017 (VND)			01/01/2017 (VND)	
	Số lượng	Giá gốc	Lỗ từ hoạt động LD-LK	Giá gốc	Lỗ từ hoạt động LD-LK
Đầu tư vào Công ty LD-LK		8.000.000.000	1.119.229.524	8.000.000.000	1.119.229.524
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon (*)	800.000	8.000.000.000	1.119.229.524	8.000.000.000	1.119.229.524
Cộng		8.000.000.000	1.119.229.524	8.000.000.000	1.119.229.524
Giá trị đầu tư LD-LK sau khi hợp nhất			6.880.770.476		6.880.770.476

(*) Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon chưa có báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017. Số liệu làm căn cứ đánh giá lại khoản đầu tư liên doanh liên kết căn cứ vào chỉ tiêu 410 trên Bảng cân đối kế toán trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

5.11 Chi phí trả trước

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	23.513.767.747	24.174.842.383
- Công cụ dụng cụ	3.168.744.815	3.403.275.289
- Chi phí chờ phân bổ	310.386.578	499.834.452
- Quyền sử dụng đất	20.034.636.354	20.271.732.642
Cộng	23.513.767.747	24.174.842.383

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 - DN/HN

5.12 Phải trả người bán

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	109.619.946.394	109.619.946.394	84.407.324.877	84.407.324.877
Doanh nghiệp tư nhân Hiệp Hưng An	2.898.805.089	2.898.805.089	3.439.437.600	3.439.437.600
Công ty TNHH Nghĩa Thành	4.796.840.251	4.796.840.251	6.489.295.500	6.489.295.500
Công ty TNHH VLXD Minh Trường Thịnh	746.826.483	746.826.483	1.357.231.410	1.357.231.410
Yogiant International Limited	4.282.344.234	4.282.344.234	-	-
Công ty CP Vật liệu Xây dựng & Trang trí	21.053.912.920	21.053.912.920	16.470.342.250	16.470.342.250
Nội thất TP.HCM				
Công Ty TNHH Xây dựng Thương mại	11.640.708.581	11.640.708.581	-	-
Đồng Thắng				
Phải trả các đối tượng khác	64.200.508.836	64.200.508.836	56.651.018.117	56.651.018.117
Cộng	109.619.946.394	109.619.946.394	84.407.324.877	84.407.324.877

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2017 VND
Phải nộp	20.283.403.526	17.471.919.544	23.871.412.865	13.883.910.205
Thuế Giá trị gia tăng phải nộp	5.913.295.502	10.540.995.300	12.504.120.822	3.950.169.980
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.289.022.726	5.713.605.104	10.308.700.244	5.693.927.586
Thuế thu nhập cá nhân	428.235.368	911.319.140	1.006.444.560	333.109.948
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	2.347.215.264	300.000.000	46.147.239	2.601.068.025
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.305.634.666	6.000.000	6.000.000	1.305.634.666
Số thuế còn lại phải nộp	20.283.403.526	17.471.919.544	23.871.412.865	13.883.910.205

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.14 Chi phí phải trả

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	26.751.459.591	8.004.376.872
Trích trước chi phí sản xuất	538.254.001	201.439.703
Chi phí vận chuyển, xe nâng cầu	9.497.666.717	7.505.195.214
Chi phí dịch vụ	25.713.436	54.545.455
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	75.300.000	75.300.000
Tiền ăn ca	303.810.000	167.896.500
Chi phí thi công, đóng cọc	1.262.390.599	-
Giá trị hàng nhập kho chưa có hóa đơn	15.048.324.838	-
Cộng	26.751.459.591	8.004.376.872

5.15 Phải trả khác

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	7.677.664.471	6.791.917.146
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	520.361.141	592.585.471
Bảo hiểm xã hội	317.523.735	306.444.838
Bảo hiểm y tế	34.581	-
Bảo hiểm thất nghiệp	493.869	2.030.560
Phải trả phải nộp khác	6.839.251.145	5.890.856.277
Cộng	7.677.664.471	6.791.917.146

Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Hữu Trọng	735.889.195	735.889.195
Lê Thị Vỹ	5.300.000.000	-
Phải trả CBCNV Công ty	746.228.568	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam - Phải trả về Cổ tức	-	4.947.833.700
Phải trả khác	57.133.382	207.133.382
Cộng	6.839.251.145	5.890.856.277

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

Mẫu B 09-DN/HN

	30/06/2017 (VND)		Trong kỳ		01/01/2017 (VND)	
	Số có khả năng				Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	trả nợ
a) Vay ngắn hạn	46.640.696.122	46.640.696.122	223.138.561.898	226.434.627.849	49.936.762.073	49.936.762.073
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Sóng Thần [1]	43.552.444.232	43.552.444.232	205.925.682.159	212.310.000.000	49.936.762.073	49.936.762.073
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - CN 9 [2]	3.088.251.890	3.088.251.890	12.199.724.804	9.111.472.914	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tp.HCM	-	-	500.910.740	500.910.740	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Sài Gòn	-	-	4.512.244.195	4.512.244.195	-	-
b) Nợ dài hạn đến hạn trả	222.000.000	222.000.000	111.000.000	111.000.000	222.000.000	222.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - CN 9 [3]	222.000.000	222.000.000	111.000.000	111.000.000	222.000.000	222.000.000
c) Vay dài hạn	277.070.000	277.070.000	-	111.000.000	388.070.000	388.070.000
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - CN 9 [3]	277.070.000	277.070.000	-	111.000.000	388.070.000	388.070.000
Cộng	47.139.766.122	47.139.766.122	223.249.561.898	226.656.627.849	50.546.832.073	50.546.832.073

[1] Công ty vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Sóng Thần theo Hợp đồng số 0040/TD8/16LD ngày 26 tháng 12 năm 2016. Hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 VND; Thời hạn duy trì hạn mức cho vay đến hết ngày 28/07/2017 kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 09 tháng kể từ ngày Ngân hàng giải ngân vốn vay và được ghi trên Giấy nhận nợ; Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ; Mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh; Khoản vay được đảm bảo bằng Hợp đồng Bảo đảm quy định tại Hợp đồng tín dụng; Số dư nợ gốc vay tại thời điểm 30/06/2017 là 43.552.444.232 đồng

[2] Công ty vay ngắn hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 9 theo Hợp đồng số 6300LAV201701023 ngày 05 tháng 05 năm 2017; Hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng; Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng, kể từ ngày 05/05/2017; Lãi suất cho vay được cụ thể theo từng giấy nhận nợ, theo thông báo và chính sách lãi suất của Agribank từng thời kỳ hoặc văn bản phê duyệt cho vay của cấp có thẩm quyền; Mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp tài sản (bao gồm nhà xưởng, máy móc thiết bị) của bên vay số 6300LCP201001337 ngày 09/06/2010 và số 6300LCP201101122 ngày 28/11/2011; Số dư nợ gốc vay tại thời điểm 30/06/2017 là 3.088.251.890 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

[3] Công ty vay trung hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh 9 Tp. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 6300LAV201401378/HĐTD ngày 08 tháng 07 năm 2014; Số tiền vay là 1.110.000.000 đồng; Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay lần đầu; Lãi suất cho vay tính theo dư nợ giảm dần là 11%/năm, hoặc tính theo lãi suất thả nổi và được xác định lại 1 tháng/ 1 lần; Mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn mua công trực chữ U đầm đôi 30 tấn; Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ gốc vay tại thời điểm 30/06/2017 là 499.070.000 đồng

5.17 Dự phòng phải trả

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	8.785.178.996	8.566.796.613
Dự phòng bảo hành sản phẩm	8.785.178.996	8.566.796.613
a) Dài hạn	1.762.215.383	-
Dự phòng bảo hành công trình khu nhà ở cao tầng Công ty Thành Phúc	1.762.215.383	-
Cộng	10.547.394.379	8.566.796.613



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

Mẫu B 09-DN/HN

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại 01/01/2016	64.141.000.000	6.737.500.000	(18.090.000)	18.819.791.256	29.930.898.273	49.583.439.214	169.194.538.743
Tăng trong năm	-	-	-	12.592.095.196	38.585.789.171	10.862.170.332	62.040.054.699
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	32.379.744.771	10.862.170.332	43.241.915.103
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	12.592.095.196
Cổ tức đã nhận trong năm	-	-	-	-	-	-	4.896.000.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	-	-	-	-	1.310.044.400	-	1.310.044.400
Giảm trong năm	-	-	-	-	35.514.481.595	5.782.000.000	35.514.481.595
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	12.592.095.196	-	12.592.095.196
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	3.922.000.000	1.078.000.000	3.922.000.000
Chia cổ tức năm 2015	-	-	-	-	13.231.978.300	4.704.000.000	13.231.978.300
Chia cổ tức đợt 1 năm 2016	-	-	-	-	4.488.603.700	-	4.488.603.700
Đánh giá lại khoản đầu tư trong năm	-	-	-	-	1.279.804.399	-	1.279.804.399
Số dư tại 31/12/2016	64.141.000.000	6.737.500.000	(18.090.000)	31.411.886.452	33.002.205.849	54.663.609.546	189.938.111.847
Số dư tại 01/01/2017	64.141.000.000	6.737.500.000	(18.090.000)	31.411.886.452	33.002.205.849	54.663.609.546	189.938.111.847
Tăng trong kỳ	-	-	-	18.247.938.155	16.843.723.967	5.623.147.836	40.714.809.958
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	16.843.723.967	5.623.147.836	22.466.871.803
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	18.247.938.155	-	-	18.247.938.155
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	22.537.178.155	1.334.760.000	23.871.938.155
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	-	18.247.938.155	-	18.247.938.155
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	4.289.240.000	1.334.760.000	5.624.000.000
Số dư tại 30/6/2017	64.141.000.000	6.737.500.000	(18.090.000)	49.659.824.607	27.308.751.661	58.951.997.382	206.780.983.650

(*) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ đầu tư phát triển theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 311/TDC-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	32.711.910.000	32.711.910.000
Bà Hà Thị Kim Dung	3.236.100.000	3.236.100.000
Ông Phạm Ngọc Hiệp	3.866.210.000	3.696.860.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	24.326.780.000	24.496.130.000
Cộng	64.141.000.000	64.141.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 VND	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	64.141.000.000	64.141.000.000
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	64.141.000.000	64.141.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/06/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.414.100	6.414.100
Cổ phiếu phổ thông	6.414.100	6.414.100
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.809	1.809
Cổ phiếu phổ thông	1.809	1.809
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.412.291	6.412.291
Cổ phiếu phổ thông	6.412.291	6.412.291
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ doanh nghiệp

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	49.659.824.607	31.411.886.452
Cộng	49.659.824.607	31.411.886.452

5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 VND
Doanh thu bán hàng hóa	37.929.369.306
Doanh thu bán thành phẩm	311.674.951.303
Doanh thu cung cấp dịch vụ	90.422.574.505
Cộng	440.026.895.114

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.20 Giá vốn hàng bánTừ ngày 01/01/2017
đến ngày 30/06/2017

VND

Giá vốn của hàng hóa đã bán
Giá vốn của thành phẩm đã bán
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp
Cộng

37.020.481.560
263.144.766.710
85.926.952.680

386.092.200.950**5.21 Doanh thu hoạt động tài chính**Từ ngày 01/01/2017
đến ngày 30/06/2017

VND

Lãi tiền gửi, tiền cho vay
Lãi chênh lệch tỷ giá
Cộng

1.186.657.865
83.984.585

1.270.642.450**5.22 Chi phí tài chính**Từ ngày 01/01/2017
đến ngày 30/06/2017

VND

Lãi tiền vay
Chiết khấu thanh toán
Lỗ chênh lệch tỷ giá
Cộng

1.628.332.240
792.164.624
163.851.172

2.584.348.036**5.23 Chi phí bán hàng**Từ ngày 01/01/2017
đến ngày 30/06/2017

VND

Chi phí nhân viên
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì
Chi phí dùng cụ, đồ dùng
Chi phí bảo hành
Chi phí dịch vụ mua ngoài
Chi phí bằng tiền khác
Cộng

1.380.414.962
173.676.181
52.684.080
1.980.597.766
112.906.224
420.568.900

4.120.848.113

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.24 Chi phí quản lý doanh nghiệpTừ ngày 01/01/2017
đến ngày 30/06/2017

	VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.792.219.574
Chi phí vật liệu quản lý	2.636.364
Chi phí đồ dùng văn phòng	227.502.191
Chi phí khấu hao TSCĐ	652.302.279
Thuế phí và lệ phí	1.126.008.328
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập)	575.663.622
Chi phí dịch vụ mua ngoài	178.807.778
Chi phí bằng tiền khác	3.620.237.742
Cộng	20.175.377.878

5.25 Lợi nhuận khácTừ ngày 01/01/2017
đến ngày 30/06/2017

	VND
<i>Thu nhập khác</i>	
Các khoản khác	9.714
Cộng	9.714
<i>Chi phí khác</i>	
Các khoản bị phạt	144.109.041
Lãi chậm trả bảo hiểm xã hội	34.581
Các khoản khác	151.772
Cộng	144.295.394
Thu nhập khác thuần	(144.285.680)

5.26 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành/ hoãn lạiTừ ngày 01/01/2017
đến ngày 30/06/2017

	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	28.180.476.907
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>387.548.622</i>
Thù lao của hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành	193.200.000
Các khoản phải nộp phạt	154.143.622
Chi phí khấu hao không được trừ	40.205.000
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế	28.568.025.529
Thu nhập tính thuế	28.568.025.529
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%
Thuế TNDN hiện hành	5.713.605.104

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.27 Lãi cơ bản trên cổ phiếuTừ ngày 01/01/2017
đến ngày 30/06/2017**VND**

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.843.723.967
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (*)	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	16.843.723.967
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	6.412.291
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.627

(*) Công ty không ước tính việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017 nên lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/06/2017 chưa tính đến ảnh hưởng (nếu có) của việc này.

5.28 Chi phí sản xuất theo yếu tốTừ ngày 01/01/2017
đến ngày 30/06/2017**VND**

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	226.840.772.095
Chi phí nhân công	55.447.784.279
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.050.426.045
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.918.616.545
Chi phí khác bằng tiền	6.756.117.088
Cộng	304.013.716.052



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan*****Giao dịch với các nhân sự chủ chốt***

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
		VND	VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản khác	2.335.636.000	1.741.211.000

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 VND	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 VND
Giao dịch khác				
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	Công liên kết	Lãi vay Công ty được nhận	103.183.242	103.753.316
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Công ty mẹ	Chia cổ tức	-	4.947.833.700
Cộng			103.183.242	103.753.316

Số dư phải thu và phải thu khác các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Công ty mẹ	Phải thu khách hàng	5.090.069.360	10.037.903.060
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	Công ty liên kết	Phải trả tiền cổ tức	-	-
		Phải thu khách hàng	380.890.000	380.890.000
		Phải thu tiền lãi cho vay	311.830.019	208.076.703
		Phải thu về cho vay ngắn hạn	2.931.804.810	2.931.804.810

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.2 Điều chỉnh số dư đầu kỳ

Số dư tại ngày 01/01/2017 được điều chỉnh hồi tố theo Biên bản Thanh tra Bộ Tài chính ngày 22/02/2017. Sau khi điều chỉnh lại, số dư tại ngày 01/01/2017 trên Bảng cân đối kế toán thay đổi như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 01/01/2017	Chênh lệch
		Theo TTBTC VND	Theo BCKT VND	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
A. Phần Tài sản		167.832.236.618	167.765.192.813	67.043.805
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	129	160.951.466.142	160.910.926.727	40.539.415
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6.880.770.476	6.854.266.086	26.504.390
B. Phần Nguồn vốn		53.285.609.375	53.218.565.570	67.043.805
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20.283.403.526	20.137.649.647	145.753.879
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	33.002.205.849	33.080.915.923	(78.710.074)

6.3 Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.16, tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.796.157.781	76.188.346.394
Phải thu khách hàng và phải thu khác	168.763.128.616	116.866.267.947
Tổng	242.559.286.397	193.054.614.341
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	47.139.766.122	50.546.832.073
Phải trả người bán và phải trả khác	117.297.610.865	91.199.242.023
Chi phí phải trả	26.751.459.591	8.004.376.872
Tổng	191.188.836.578	149.750.450.968

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Các loại công cụ tài chính**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con. Các khoản đầu tư vào các công ty con được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Bảo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại 30/06/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	117.297.610.865	-	117.297.610.865
Chi phí phải trả	26.751.459.591	-	26.751.459.591
Các khoản vay	46.862.696.122	277.070.000	47.139.766.122
Tổng	190.911.766.578	277.070.000	191.188.836.578
Tại 01/01/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	91.199.242.023	-	91.199.242.023
Chi phí phải trả	8.004.376.872	-	8.004.376.872
Các khoản vay	50.158.762.073	388.070.000	50.546.832.073
Tổng	149.362.380.968	388.070.000	149.750.450.968

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 30/06/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.796.157.781	-	73.796.157.781
Phải thu khách hàng và phải thu khác	168.761.480.660	1.647.956	168.763.128.616
Cộng	242.557.638.441	1.647.956	242.559.286.397
Tại 01/01/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	76.188.346.394	-	76.188.346.394
Phải thu khách hàng và phải thu khác	111.864.267.797	5.002.000.150	116.866.267.947
Cộng	188.052.614.191	5.002.000.150	193.054.614.341

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.4 Thông tin so sánh

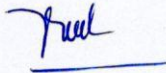
Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán và được điều chỉnh hồi tố số dư tại ngày 31/12/2016. Năm 2017 là năm đầu tiên lập báo cáo hợp nhất giữa niên độ nên không có số liệu so sánh tương ứng.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Bùi Minh Trúc

Phạm Anh Linh

Nguyễn Hữu Ý